TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST Ngày 08-8-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan;

Bà Lê Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 18-4-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-6-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09-7-2019, Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 08/TB-TA ngày 17-7-2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 08/TB-TA ngày 24-7-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy T, nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 19-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình anh T tại tổ dân phố Dân Tiến, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do phong cách sống của cả hai không còn phù hợp, anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc về đánh vợ, chửi con, xúc phạm gia đình chị. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh T từ cuối năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân anh chị không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 13-01-2011 và cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26-6-2013. Từ khi chị và anh T ly thân, cháu N ở cùng anh T, cháu H1 ở cùng chị. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu H1 cho chị nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29-5-2019, bị đơn là anh Nguyễn Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T có lời khai thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, nơi chung sống của vợ chồng. Anh T thừa nhận trong quá trình chung sống, anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát nhau. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh từ năm 2016 đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H đã trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, tình cảm giữa anh chị cũng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H đã trình bày. Anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh nuôi dưỡng và giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 13-01-2011 cho anh T và giao cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26-6-2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị không yêu cầu giải quyết; hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, chị H và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 16-12-2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay, chị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, bị đơn là anh Nguyễn Duy T, có nơi cư trú tại: Tổ dân phố Dân Tiến, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 09-7-2019, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị H và anh T đều trình bày: Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do phong cách sống của cả hai không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh chửi nhau. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh T từ cuối năm 2016 đến nay, từ khi ly thân anh chị không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi chị H và anh T chung sống, xác định được: Trong thời gian chung sống, chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không tiếp tục chung sống được với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của anh chị không hòa hợp. Tổ trưởng tổ dân phố đã gặp chị H, anh T trao đổi về tình trạng hôn nhân của anh chị để giúp tác động, khuyên giải cho anh chị. Tuy nhiên, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng năm 2016 đến nay, không còn chung sống cùng anh T nữa.

[5] Xét thấy, hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[6] Về con chung: Chị H và anh T có có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 13-01-2011 và cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26-6-2013. Cả chị H và anh T đều thống nhất khi ly hôn sẽ giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cần chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 13-01-2011 cho anh T và giao cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26-6-2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét hoặc đến khi chị H và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0006971 ngày 18-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Loan

Lê Thị Mai Hương

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường